



Số: 140/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây được lập ngày 24 tháng 03 năm 2014, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt (AASCN)



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0167-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0700-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		406.969.802.524	367.148.383.308
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	144.458.776.181	81.467.775.192
1. Tiền	111		34.458.776.181	11.467.775.192
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.000.000.000	70.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	16.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	16.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.306.853.571	146.961.937.795
1. Phải thu khách hàng	131		105.687.059.211	141.793.616.794
2. Trả trước cho người bán	132		42.004.373.851	1.392.013.532
3. Các khoản phải thu khác	135	V.02	615.420.509	3.776.307.469
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	113.431.090.238	121.539.846.562
1. Hàng tồn kho	141		113.431.090.238	121.539.846.562
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		773.082.534	678.823.759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		678.582.534	607.823.759
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	1.000.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	94.500.000	70.000.000
B. Tài sản dài hạn	200		1.179.539.513.383	1.083.273.895.210
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.830.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	1.830.000.000
II. Tài sản cố định	220		783.663.406.835	688.945.993.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	625.418.552.994	537.352.140.212
- Nguyên giá	222		1.155.740.993.490	983.497.743.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(530.322.440.496)	(446.145.602.881)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	7.984.805.188	8.249.132.295
- Nguyên giá	228		9.628.523.490	9.628.523.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.643.718.302)	(1.379.391.195)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	150.260.048.653	143.344.721.349
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	373.835.711.082	362.169.041.082
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.468.861.082	10.468.861.082
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		317.500.000.000	317.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		45.866.850.000	34.200.180.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.040.395.466	30.328.860.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	21.778.395.466	30.066.860.272
2. Tài sản dài hạn khác	268		262.000.000	262.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.586.509.315.907	1.450.422.278.518

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		391.168.423.576	419.600.110.762
I. Nợ ngắn hạn	310		329.826.532.908	342.811.952.299
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	45.369.737.500	35.054.937.500
2. Phải trả cho người bán	312		132.986.269.468	146.335.747.424
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.11	133.494.772.156	130.864.714.819
4. Phải trả công nhân viên	315		10.492.960.752	11.164.568.249
5. Chi phí phải trả	316	V.12	360.850.905	423.455.194
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	903.430.186	16.407.066.895
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		6.218.511.941	2.561.462.218
II. Nợ dài hạn	330		61.341.890.668	76.788.158.463
1. Phải trả dài hạn người bán	331		3.137.438	3.137.438
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	61.338.753.230	76.785.021.025
B. Vốn chủ sở hữu	400		1.195.340.892.331	1.030.822.167.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.195.340.892.331	1.030.822.167.756
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		565.762.360.000	565.762.360.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		308.951.094.594	140.660.522.283
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		56.576.236.000	52.493.491.916
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		264.051.201.737	271.905.793.557
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.586.509.315.907	1.450.422.278.518

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


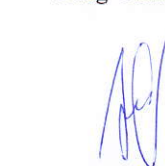
Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý		3.632.047.000	3.632.047.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiểu

Nguyễn Thị Hiểu

Nguyễn Xuân Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.616.614.201.800	2.539.392.858.490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.001.760.216.480	911.227.669.570
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.614.853.985.320	1.628.165.188.920
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.270.389.957.673	1.289.163.014.283
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		344.464.027.647	339.002.174.637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	23.657.697.487	10.233.400.960
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	11.344.879.856	13.181.089.515
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		10.406.384.756	11.818.245.905
8. Chi phí bán hàng	24		39.816.557.890	7.828.893.003
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.387.681.692	15.163.887.077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		300.572.605.696	313.061.706.002
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.622.515.562	2.812.623.294
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.445.108.397	878.582.475
13. Lợi nhuận khác	40		177.407.165	1.934.040.819
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		300.750.012.861	314.995.746.821
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	32.081.759.218	29.025.448.224
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		268.668.253.643	285.970.298.597

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiếu

Nguyễn Thị Hiếu

Nguyễn Xuân Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		300.750.012.861	314.995.746.821
2. Điều chỉnh các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		85.486.595.912	78.824.687.980
- Các khoản dự phòng	03		-	(136.872.913)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.654.145.068)	(9.816.556.173)
- Chi phí lãi vay	06		10.406.384.756	11.818.245.905
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		372.988.848.461	395.685.251.620
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(971.782.444)	(35.600.469.393)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.108.756.324	(2.301.549.419)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(9.412.722.346)	27.296.726.612
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.492.361.834	1.676.453.414
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.406.384.756)	(11.818.245.905)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(33.896.305.986)	(24.370.706.713)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15.628.125.345)	(19.749.454.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		319.274.645.742	330.818.005.392
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(180.478.664.694)	(124.300.755.310)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	760.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.500.000.000	13.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.666.670.000)	(9.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.357.511.736	7.994.796.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(166.287.822.958)	(111.945.231.447)

1-07
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 BIA SÀI GÒN
 BÌNH TÂY
 QUẬN 1
 TP. HCM
 CHỖ
 CHỮ
 KÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.856.569.705	227.789.087.874
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.988.037.500)	(253.769.823.658)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(84.864.354.000)	(141.940.590.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(89.995.821.795)</i>	<i>(167.921.325.784)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		62.991.000.989	50.951.448.161
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60		81.467.775.192	30.516.327.031
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70		144.458.776.181	81.467.775.192

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiếu

Nguyễn Thị Hiếu

Nguyễn Xuân Hải

